

<p><b>88. Kinh Bāhitika</b></p>	<p><b>88. The Cloak</b> <i>(Bāhitika Sutta)</i></p>
<p>Khái quát Nội dung Kinh (Tác giả: <b>TT. Thích Nhật Từ</b>)</p>	<p>A Summary of the Sutta (Author: <b>Bhikkhu Bodhi</b>)</p>
<p><b>88. Kinh Bāhitika</b> (P. <i>Bāhitikasuttaṃ</i>, H. 鞞訶提經) tương đương <i>Bê-ha-đề kinh</i>.<sup>89</sup> Đạo đức của người tu được đánh giá từ các hành vi của thân, biểu đạt của khẩu hành và ý niệm mang lại lợi lạc cho mình và người, có giá trị xây dựng và chuyển hóa, không bận tâm về sự đền đáp của tha nhân. Vô ngã trong đạo đức chính là giá trị đạo đức bậc nhất mà người tu hành cần thực hiện toàn mãn.</p>	<p><b>88. Bāhitika Sutta: The Cloak.</b> The venerable Ānanda answers King Pasenadi's questions on the Buddha's behaviour.</p>
<p>Việt Dịch từ Pāli: <b>HT. Thích Minh Châu</b></p>	<p>English Translation from Pāli: <b>Bhikkhu Ñāṇamoli &amp; Bhikkhu Bodhi</b></p>
<p>Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở Sāvattḥī, Jetavana, tại tịnh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp cô độc).</p> <p>Rồi Tôn giả Ānanda vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvattḥī để khát thực.</p> <p>Đi khát thực ở Sāvattḥī xong, sau bữa ăn, trên con đường khát thực trở về, Tôn giả đi đến lâu đài Pubbarama Migāramatu (Đông Viên Lộc Mẫu giảng đường) để nghỉ trưa.</p> <p>Lúc bấy giờ, vua Pasenadi nước Kosala cưỡi trên con voi Ekaṇḍarīka và đi ra khỏi thành Sāvattḥī trong buổi sáng sớm. Vua Pasenadi nước Kosala thấy Tôn giả Ānanda từ xa đi đến, thấy vậy liền nói với vị đại thần Sirivaḍḍha:</p>	<p>1. <b>THUS HAVE I HEARD.</b> On one occasion the Blessed One was living at Sāvattḥī in Jeta's Grove, Anāthapiṇḍika's Park.</p> <p>2. Then, when it was morning, the venerable Ānanda dressed, and taking his bowl and outer robe, went into Sāvattḥī for alms.</p> <p>When he had wandered for alms in Sāvattḥī and had returned from his almsround, after his meal he went to the Eastern Park, to the Palace of Migāra's Mother, for the day's abiding.</p> <p>3. Now on that occasion King Pasenadi of Kosala had mounted the elephant Ekaṇḍarīka and was riding out from Sāvattḥī at midday. He saw the venerable Ānanda coming in the distance and asked the minister Sirivaḍḍha:</p>

-- Vị Tôn giả ấy, này Sirivaddha, có phải là Ānanda không?

-- Thưa phải, tâu Đại vương, Tôn giả ấy là Ānanda.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala nói với một người khác:

-- Này Người kia, hãy đi đến Tôn giả Ānanda, sau khi đến, nhân danh ta cúi đầu đảnh lễ chân Tôn giả Ānanda, rồi thưa như sau:

"Thưa Tôn giả, nếu Tôn giả Ānanda không có công việc gì phải làm gấp, thưa Tôn giả, mong Tôn giả hãy vì lòng từ chờ đợi một lát".

-- Thưa vâng, tâu Đại vương.

Người ấy vâng đáp vua Pasenadi xứ Kosala, đi đến Tôn giả Ānanda, sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả Ānanda rồi đứng một bên. Đứng một bên, người ấy thưa với Tôn giả Ānanda:

-- Thưa Tôn giả, vua Pasenadi nước Kosala cúi đầu đảnh lễ chân Tôn giả Ānanda, và thưa như sau: "Thưa Tôn giả, nếu Tôn giả Ānanda không có công việc gì phải làm gấp, thưa Tôn giả, mong Tôn giả hãy vì lòng từ chờ đợi một lát".

"That is the venerable Ānanda, is it not?"

— "Yes, sire, that is the venerable Ānanda."

4. Then King Pasenadi of Kosala told a man:

"Come, good man, go to the venerable Ānanda and pay homage in my name with your head at his feet, saying:

'Venerable sir, King Pasenadi of Kosala pays homage with his head at the venerable Ānanda's feet.' Then say this:

'Venerable sir, if the venerable Ānanda has no urgent business, perhaps the venerable Ānanda would wait [113] a moment, out of compassion.'

5. "Yes, sire," the man replied, and he went to the venerable Ānanda, and after paying homage to him, he stood at one side and said to the venerable Ānanda:

"Venerable sir, King Pasenadi of Kosala pays homage with his head at the venerable Ānanda's feet and he says this: 'Venerable sir, if the venerable Ānanda has no urgent business, perhaps the venerable Ānanda would wait a moment, out of compassion.'"

6. The venerable Ānanda consented in silence. Then King Pasenadi went by elephant as far as the elephant could go, and then he dismounted and went to the venerable Ānanda on foot.

Tôn giả Ānanda im lặng nhận lời. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến bờ sông Aciravatī, sau khi đến, liền ngồi xuống trên chỗ đã đoạ sẵn, dưới một gốc cây.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala, cưỡi voi cho đến chỗ nào có thể đi voi được, rồi xuống voi đi bộ đến chỗ Tôn giả Ānanda, sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Ānanda rồi đứng một bên. Đứng một bên, vua Pasenadi nước Kosala thưa với Tôn giả Ānanda:

-- Thưa Tôn giả, ở đây, mong Tôn giả Ānanda ngồi trên thảm ngựa.

-- Thôi vừa rồi, Đại vương, Đại vương hãy ngồi. Tôi đã ngồi trên chỗ ngồi của tôi.

Vua Pasenadi nước Kosala ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, vua Pasenadi nước Kosala thưa với Tôn giả Ānanda:

-- Thưa Tôn giả Ānanda, có phải Thế Tôn không làm các thân hành mà các bậc Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách?

-- Thưa Đại vương, Thế Tôn không làm các thân hành mà các bậc Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách.

After paying homage to him, he stood at one side and said to the venerable Ānanda: “If, venerable sir, the venerable Ānanda has no urgent business, it would be good if he would go to the bank of the river Aciravatī, out of compassion.”

7. The venerable Ānanda consented in silence. He went to the bank of the river Aciravatī and sat down at the root of a tree on a seat made ready.

Then King Pasenadi went by elephant as far as the elephant could go, and then he dismounted and went to the venerable Ānanda on foot. After paying homage to him, he stood at one side and said to the venerable Ānanda:

“Here, venerable sir, is an elephant rug. Let the venerable Ānanda be seated on it.”

“There is no need, great king. Sit down. I am sitting on my own mat.”

8. King Pasenadi of Kosala sat down on a seat made ready and said:

“Venerable Ānanda, would the Blessed One behave with the body in such a way that he could be censured by recluses and brahmins?”<sup>831</sup>

“Great king, the Blessed One would not behave with the body in such a way that he could be censured by wise recluses and brahmins.” [114]

-- Thưa Tôn giả Ānanda, có phải Thế Tôn không làm các khẩu hành... không làm các ý hành mà các bậc Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách?

-- Thưa Đại vương, Thế Tôn không làm các khẩu hành, ý hành mà các bậc Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách.

-- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả!

Thưa Tôn giả, điều mà tôi không thể nói lên một cách đầy đủ trong một câu hỏi, đã được Tôn giả Ānanda nói lên một cách đầy đủ trong câu trả lời câu hỏi.

Thưa Tôn giả, khi người ngu si, thiếu kinh nghiệm tán thán hay hủy báng những người khác, mà không chứng nghiệm và suy xét, thì chúng tôi không y cứ vào đấy và xem như là lời cây.

Nhưng thưa Tôn giả, khi người có trí, có kinh nghiệm tán thán hay hủy báng những người khác, có chứng nghiệm và suy xét, thì chúng tôi y cứ vào đấy và xem như là lời cây.

Nhưng thưa Tôn giả Ānanda, thế nào là **thân hành** mà các vị Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách?

-- Thưa Đại vương, bất cứ thân hành gì bất thiện.

-- Thưa Tôn giả, thế nào là thân hành bất thiện?

-- Thưa Đại vương, bất cứ thân hành gì có tội.

-- Thưa Tôn giả, thế nào là thân hành có tội?

“Would the Blessed One, venerable Ānanda, behave with speech... behave with the mind in such a way that he could be censured by recluses and brahmins?”

“Great king, the Blessed One would not behave with speech... behave with the mind in such a way that he could be censured by wise recluses and brahmins.”

9. “It is wonderful, venerable sir, it is marvellous! For what we were unable to accomplish with a question has been accomplished by the venerable Ānanda with the answer to the question.

We do not recognise anything of value in the praise and blame of others spoken by foolish ignorant persons, who speak without having investigated and evaluated; but we recognise as valuable the praise and blame of others spoken by wise, intelligent, and sagacious persons who speak after having investigated and evaluated.

10. “Now, venerable Ānanda, what kind of **bodily behaviour** is censured by wise recluses and brahmins?”

“Any bodily behaviour that is unwholesome, great king.”

“Now, venerable Ānanda, what kind of bodily behaviour is unwholesome?”

“Any bodily behaviour that is blameworthy, great king.”

“Now, venerable Ānanda, what kind of bodily behaviour is

-- Thừa Đại vương, bất cứ thân hành gì có hại.

-- Thừa Tôn giả, thế nào là thân hành có hại?

-- Thừa Tôn giả, thế nào là thân hành có khổ báo?

-- Thừa Đại vương, phạm thân hành gì đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai, từ nơi thân hành ấy, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm.

Thừa Đại vương, thân hành như vậy bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách.

-- Thừa Tôn giả, thế nào là **khẩu hành**...

thế nào là **ý hành** bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách?

-- Thừa Đại vương, bất cứ ý hành gì bất thiện.

blameworthy?”

“Any bodily behaviour that brings affliction, great king.”

“Now, venerable Ānanda, what kind of bodily behaviour brings affliction?”

“Any bodily behaviour that has painful results, great king.”

“Now, venerable Ānanda, what kind of bodily behaviour has painful results?”

“Any bodily behaviour, great king, that leads to one’s own affliction, or to the affliction of others, or to the affliction of both, and on account of which unwholesome states increase and wholesome states diminish.

Such bodily behaviour is censured by wise recluses and brahmins, great king.”<sup>832</sup>

11. “Now, venerable Ānanda, what kind of **verbal behaviour** is censured by wise recluses and brahmins?”

“Any verbal behaviour that is unwholesome... (*complete as in §10, substituting “verbal behaviour” for “bodily behaviour”*)... ”

12. “Now, venerable Ānanda, what kind of **mental behaviour** is censured by wise recluses and brahmins?”

“Any mental behaviour that is unwholesome... (*complete as in §10, substituting “mental behaviour” for “bodily behaviour”*) [115]... ”

-- Thưa Tôn giả, thế nào là ý hành bất thiện?

-- Thưa Đại vương, phạm ý hành gì có tội.

-- Thưa Tôn giả, thế nào là ý hành có tội?

-- Thưa Đại vương, phạm ý hành gì có hại.

-- Thưa Tôn giả, thế nào là ý hành có hại?

-- Thưa Đại vương, phạm ý hành nào có khổ báo.

-- Thưa Tôn giả, thế nào là ý hành có khổ báo?

-- Thưa Đại vương, phạm ý hành gì đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai, từ nơi ý hành ấy các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm.

Thưa Đại vương, ý hành như vậy bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quả trách.

-- Thưa Tôn giả Ānanda, có phải Thế Tôn tán thán sự đoạn trừ tất cả bất thiện pháp?

-- Thưa Đại vương, Như Lai đã đoạn trừ tất cả bất thiện pháp và thành tựu các thiện pháp.

-- Nhưng thưa Tôn giả Ānanda, thế nào là thân hành không bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quả trách?

-- Thưa Đại vương, bất cứ thiện thân hành nào.

-- Thưa Tôn giả, thế nào là thiện thân hành?

13. “Now, venerable Ānanda, does the Blessed One praise only the abandoning of all unwholesome states?”

“The Tathāgata, great king, has abandoned all unwholesome states and he possesses wholesome states.”<sup>833</sup>

14. “Now, venerable Ānanda, what kind of bodily behaviour is uncensured by wise recluses and brahmins?”

“Any bodily behaviour that is wholesome, great king.”

“Now, venerable Ānanda, what kind of bodily behaviour is

- Thừa Đại vương, phạm thân hành nào không có tội.
- Thừa Tôn giả, thế nào là thân hành không có tội?
- Thừa Đại vương, phạm thân hành nào không có hại.
- Thừa Tôn giả, thế nào là thân hành không có hại?
- Thừa Đại vương, phạm thân hành nào có lạc báo.
- Thừa tôn giả, thế nào là thân hành có lạc báo?
- Thừa Đại vương, phạm thân hành nào không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai, từ nơi thân hành ấy, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng.
- Thừa Đại vương, thân hành như vậy không bị các Sa môn, Bà-la-môn có trí quở trách.
- Thừa Tôn giả Ānanda, thế nào là **khẩu hành**...

wholesome?”

“Any bodily behaviour that is blameless, great king.”

“Now, venerable Ānanda, what kind of bodily behaviour is blameless?”

“Any bodily behaviour that does not bring affliction, great king.”

“Now, venerable Ānanda, what kind of bodily behaviour does not bring affliction?”

“Any bodily behaviour that has pleasant results, great king.”

“Now, venerable Ānanda, what kind of bodily behaviour has pleasant results?”

“Any bodily behaviour, great king, that does not lead to one’s own affliction, or to the affliction of others, or to the affliction of both, and on account of which unwholesome states diminish and wholesome states increase.

Such bodily behaviour, great king, is uncensured by wise recluses and brahmins.”

15. “Now, venerable Ānanda, what kind of **verbal behaviour** is uncensured by wise recluses and brahmins?”

“Any verbal behaviour that is wholesome... (*complete as in §14, substituting “verbal behaviour” for “bodily behaviour”*)... ”

thế nào là **ý hành** không bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách?

-- Thưa Đại vương, bất cứ thiện ý hành nào.

-- Thưa Tôn giả, thế nào là thiện ý hành?

-- Thưa Đại vương, phạm ý hành nào không có tội.

-- Thưa Tôn giả, thế nào là ý hành không có tội?

-- Thưa Đại vương, phạm ý hành nào không có hại.

-- Thưa Tôn giả, thế nào là ý hành không có hại?

-- Thưa Đại vương, phạm ý hành nào có lạc báo.

-- Thưa Tôn giả, thế nào là ý hành có lạc báo?

-- Thưa Đại vương, phạm ý hành nào không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai, từ nơi ý hành ấy, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng.

Thưa Đại vương, ý hành như vậy không bị các Sa-môn, Bà-la-môn có trí quở trách.

-- Thưa Tôn giả Ānanda, có phải Thế Tôn tán thán sự thành tựu tất cả thiện pháp?

-- Thưa Đại vương, Như Lai đã đoạn trừ tất cả bất thiện pháp, và thành tựu các thiện pháp.

16. “Now, venerable Ānanda, what kind of **mental behaviour** is uncensured by wise recluses and brahmins?”

“Any mental behaviour that is wholesome... (*complete as in §14, substituting “mental behaviour” for “bodily behaviour”*) [116]...”

17. “Now, venerable Ānanda, does the Blessed One praise only the undertaking of all wholesome states?”

“The Tathāgata, great king, has abandoned all unwholesome states and possesses wholesome states.”



-- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả! Thật khéo nói thay việc này, thưa Tôn giả. Do Tôn giả Ānanda mà chúng tôi, thưa Tôn giả, được hoan hỷ và thỏa mãn với những lời khéo nói của Tôn giả Ānanda.

Được hoan hỷ và thỏa mãn, thưa Tôn giả, với những lời khéo nói của Tôn giả Ānanda, chúng tôi vui lòng tặng một con voi báu cho Tôn giả Ānanda, nếu Tôn giả Ānanda được phép nhận con voi báu. Chúng tôi vui lòng tặng con ngựa báu cho Tôn giả Ānanda, nếu Tôn giả Ānanda được phép nhận con ngựa báu. Chúng tôi vui lòng tặng một làng ân tứ cho Tôn giả Ānanda, nếu Tôn giả Ānanda được phép nhận một làng ân tứ.

Nhưng thưa Tôn giả, chúng tôi được biết như sau: "Việc này Tôn giả Ānanda không được phép". Thưa Tôn giả, có cuộn vải ngoại hóa này, được gắn vào trong một cán dù, do vua Ajatasattu, con bà Videhi nước Magadha gửi cho tôi, dài mười sáu khuỷu tay, rộng tám khuỷu tay.

Thưa Tôn giả, mong Tôn giả Ānanda vì lòng từ bi nạy thọ cho.

-- Thôi vừa rồi, Đại vương! Tôi đã đủ ba y.

-- Thưa Tôn giả, sau cơn mưa lớn trên sườn núi, cả Tôn giả và tôi đã thấy lúc ấy sông Aciravatī chảy mạnh, tràn qua hai bên bờ như thế nào.

Cũng vậy, thưa Tôn giả, Tôn giả Ānanda có thể làm cho mình ba y, từ nơi tấm vải ngoại hóa này. Còn ba y cũ, Tôn

18. "It is wonderful, venerable sir, it is marvellous how well that has been expressed by the venerable Ānanda! And we are satisfied and pleased by what has been so well expressed by him.

Venerable sir, we are so satisfied and pleased with what has been so well expressed by the venerable Ānanda that if the elephant-treasure were allowed to him, we would give it to him; if the horse-treasure were allowed to him, we would give it to him; if the boon of a village were allowed to him, we would give it to him.

But we know, venerable sir, that these are not allowable for the venerable Ānanda. But there is this cloak of mine,<sup>834</sup> venerable sir, which was sent to me packed in a royal umbrella case by King Ajātasattu of Magadha, sixteen hands long and eight hands wide.

Let the venerable Ānanda accept it out of compassion."

"It is not necessary, great king. My triple robe is complete." [117]

19. "Venerable sir, this river Aciravatī has been seen both by the venerable Ānanda and by ourselves when a great cloud has rained heavily on the mountains; then this river Aciravatī overflows both its banks.

So too, venerable sir, the venerable Ānanda can make a triple robe for himself out of this cloak, and he can share out

giả Ānanda có thể đem phân phát cho các đồng Phạm hạnh.

Như vậy sự bố thí này của chúng tôi được trôi chảy, như nước lan tràn qua bờ. Thưa Tôn giả, mong Tôn giả nhận cho tấm vải ngoại hóa này.

Rồi Tôn giả Ānanda nhận lấy tấm vải ngoại hóa. Rồi vua Pasenadi nước Kosala thưa với Tôn giả Ānanda:

-- Thưa Tôn giả Ānanda, nay chúng tôi phải đi. Chúng tôi có nhiều công vụ, có nhiều trách nhiệm phải làm.

-- Thưa Đại vương, nay Đại vương hãy làm gì Đại vương nghĩ là hợp thời.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Ānanda dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, thân bên hữu hướng về ngài, rồi ra đi.

Tôn giả Ānanda, sau khi vua Pasenadi nước Kosala ra đi không bao lâu, liền đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda tường thuật lên Thế Tôn tất cả cuộc đàm thoại với vua Pasenadi nước Kosala rồi dâng tấm vải ngoại hóa lên Thế Tôn.

Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

-- Thật hạnh phúc thay cho vua Pasenadi nước Kosala! Thật tốt đẹp thay cho vua Pasenadi nước Kosala! Vua đã được yết kiến Tôn giả Ānanda và được cúng dường.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ

his old triple robe among his companions in the holy life.

In this way, our offering will overflow. Venerable sir, let the venerable Ānanda accept the cloak.”

20. The venerable Ānanda accepted the cloak. Then King Pasenadi of Kosala said:

“And now, venerable sir, we depart. We are busy and have much to do.”

“You may go, great king, at your own convenience.”

Then King Pasenadi of Kosala, having delighted and rejoiced in the venerable Ānanda’s words, rose from his seat, and after paying homage to the venerable Ānanda, keeping him on his right, he departed.

21. Then soon after he had left, the venerable Ānanda went to the Blessed One, and after paying homage to him, he sat down at one side, related to him his entire conversation with King Pasenadi of Kosala, and presented the cloak to the Blessed One.

22. Then the Blessed One addressed the bhikkhus:

“It is a gain, bhikkhus, for King Pasenadi of Kosala, it is a great gain for King Pasenadi of Kosala that he has had the opportunity of seeing and paying respect to Ānanda.”

That is what the Blessed One said. The bhikkhus were

tín thọ lời Thế Tôn dạy.

satisfied and delighted in the Blessed One's words.

### Notes

The bracketed numbers [ ] embedded in the text refer to the page number of the Pali Text Society's edition of the *Majjhima Nikāya* (except for MN 92 and MN 98, wherein the numbers refer to the PTS edition of the Sutta Nipāta).

831. MA explains that the king asked this question with reference to the case involving the female wanderer Sundarī, which was pending investigation at the time. Wishing to discredit the Buddha, some wandering ascetics persuaded Sundarī to visit Jeta's Grove at night and then let herself be seen returning at dawn, so people would become suspicious. After some time they had her murdered and buried near Jeta's Grove, and when her body was discovered there, they pointed an accusing finger at the Buddha. After a week the false report was exposed when the king's spies found out the real story behind the murder. See Ud 4:8/42–45.

I follow here BBS and SBJ, which add the qualification “wise” to the phrase “recluses and brahmins” (*samaṇehi brāhmaṇehi vinnūhi*). Ānanda's answer thus implies that it is *their* censure and not that of ordinary ascetics that should be avoided. That this reading is correct is supported by the king's statement just below that Ānanda has done with his answer what he himself could not do with the question, namely, distinguish between the wise and the foolish.

832. Briefly, this passage offers five criteria of evil actions: *unwholesomeness* underscores the psychological quality of

the action, its unhealthy effect upon the mind; its being *blameworthy* underscores its morally detrimental nature; its capacity to produce *painful results* calls attention to its undesirable kammic potential; and the last statement calls attention to both its evil *motivation* and the harmful longrange *consequences* such action entails for both oneself and others. The opposite explanation applies to good action, discussed in §14.

833. MA: Ven. Ānanda's answer goes beyond the question, for he shows not only that the Buddha praises the abandoning of all unwholesome states, but that he acts in accordance with his word by having abandoned all unwholesome states as well.

834. MA explains the word *bāhitikā*, after which the sutta is named, as a cloak produced in a foreign country.